TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LẠNG SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2021/HS-ST
Ngày 21-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nhật Chiến;

Ông Hoàng Công Vượng.

- Thư ký phiên toà: Bà Lành Thị Thanh Nụ - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 112/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 24 tháng 9 năm 1972 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Trần Thị B (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật nhưng đã từng bị kết án theo Bản án số 61/2017/HSST ngày 22/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã xử phạt bị cáo 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội Cố ý gây thương tích, nay đã được xóa án tích; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/3/2021, tạm giam từ ngày 14/3/2021 cho đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Bùi Như H, Luật sư Văn phòng Luật sư N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn. Có mặt;

- *Bị hại*: Ông Đỗ Danh N, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thị trấn P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Trần Thị B. Có mặt;

2. Ông Mạc Văn S. Có mặt;

3. Bà Trần Thị N. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức T và bà Trần Thị B trước đây là vợ chồng, đã ly hôn năm 2015, quá trình chung sống có 02 con chung hiện đang sống với bà Trần Thị B.

Khoảng 07 giờ ngày 03/03/2021, Nguyễn Đức T cho 01 súng tự chế và 14 viên đạn vào cốp xe mô tô biển kiểm soát 12P1 - 11752 rồi điều khiển xe đi đến nhà bà Trần Thị B, tại đường T, phường T, thành phố L. Tại đây, Nguyễn Đức T gặp ông Mạc Văn S, ngồi ở phòng khách, bà Trần Thị B và ông Đỗ Danh N đang ăn sáng dưới bếp, Nguyễn Đức T hỏi xin cho con đi ăn cưới nhà anh trai nhưng bà Trần Thị B không đồng ý. Sau đó, Nguyễn Đức T đi lên phòng khách, ông Đỗ Danh N đi theo mời Nguyễn Đức T ngồi uống nước thì Nguyễn Đức T đi thẳng ra xe mô tô mở cốp lấy túi có chứa súng, đạn rồi đi vào nhà, Nguyễn Đức T rút súng trong túi ra chĩa về hướng ông Đỗ Danh N, ông Đỗ Danh N hoảng sợ chạy quanh bàn, ông Mạc Văn S đứng ở giữa nhìn thấy súng chưa lên cò thì đẩy Nguyễn Đức T ra và can ngăn, Nguyễn Đức T vẫn chĩa súng hướng về phía ông Đỗ Danh N, ông Đỗ Danh N chạy ra ngoài cửa, bà Trần Thị B từ trong nhà chạy ra giữ cửa. Lúc này, Nguyễn Đức T không ra được, ông Mạc Văn S cùng Nguyễn Đức T ở trong nhà vật lộn, ông Mạc Văn S thấy súng của Nguyễn Đức T chưa mở chốt an toàn đã khống chế giằng được súng của Nguyễn Đức T ném ra sàn nhà, bà Trần Thị N (vợ của ông Mạc Văn S) thấy sự việc đã cầm súng chạy ra ngoài, Nguyễn Đức T chạy lên tầng 3 trèo sang nhà hàng xóm để chạy thoát, bà Trần Thị B đến Công an thành phố Lạng Sơn trình báo vụ việc.

Ngay sau khi tiếp nhận đơn trình báo, ngày 03/3/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Lạng Sơn đã tiến hành khám nghiệm hiện trường tại đường T, phường T, thành phố L, thu giữ: 01 khẩu súng màu đen, 14 viên đạn hình trụ tròn, 01 túi xách thể thao, 01 vỏ hợp cartong, 01 gậy rút, 01 xe máy Honda PCX biển kiểm soát 12P1 – 11752, 01 chùm chìa khóa.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Đức T tại địa chỉ đường T, phường H, thành phố L, thu giữ 02 vỏ đạn.

Ngày 03/3/2021, Nguyễn Đức T đến Công an thành phố Lạng Sơn đầu thú về hành vi phạm tội của bản thân.

Tại Bản kết luận giám định số 164/KLGĐ-PC09 ngày 04/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn xác định: "Khẩu súng gửi giám định là súng tự chế, bắn được loại đạn ghém cỡ 12, hiện tại khẩu súng này vẫn sử dụng để bắn được và thuộc danh mục vũ khí quân dụng; 14 (mười bốn) viên đạn hình trụ đều là đạn ghém cỡ 12, không phải đạn quân dụng. Tại thời điểm giám định, phần hạt nổ của các viên đạn này đều chưa có dấu vết do kim hỏa tác động". Sau giám định hoàn lại 01 khẩu súng tự chế, 09 viên đạn ghém cỡ 12 sau khi giám định được niêm trong trở lại túi xách cũ, phần miệng túi được dán kín, dán niêm phong.

Tại Bản kết luận giám định số 179/KLGĐ-PC09 ngày 20/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn xác định: "02 (hai) vỏ đạn gửi giám định đều là vỏ của loại đạn ghém cỡ 12; cùng loại đạn với các viên đạn mẫu so sánh;

không phải vỏ đạn quân dụng. Phần hạt nổ của hai vỏ đạn này đều có dấu vết do kim hỏa tác động".

Tại bản Kết luận số 233/KLGĐ ngày 22/7/2021 của Viện pháp y tâm thần trung ương, Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu đối với Nguyễn Đức T: "Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 03/3/2021 và tại thời điểm giám định bị can Nguyễn Đức T bị bệnh Rối loạn hỗn hợp lo âu trầm cảm. Theo phận loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F41.2; Tại các thời điểm trên bị can đủ khả năng nhận thức, hạn chế khả năng điều khiển hành vi".

Ngày 07/4/2021 Cơ quan anh ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn khởi tố vụ án hình sự Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng đối với Nguyễn Đức T. Ngày 14/4/2021 Công an thành phố Lạng Sơn bàn giao vật chứng liên quan cho Công an tỉnh Lạng Sơn bao gồm 02 vỏ đạn sau giám định; 09 viên đạn và 01 khẩu súng sau giám định được niêm phong.

Tại Cáo trạng số 118/KSĐT ngày 09/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội Đe dọa giết người theo khoản 1 Điều 133 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình như cáo trạng đã truy tố, bị cáo trình bày bản thân bị cáo mắc bệnh Rối loạn hỗn hợp lo âu, thường xuyên mất ngủ nhưng hiện nay trong trại tạm giam không có thuốc điều trị bệnh của bị cáo, trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa bị cáo đã đề nghị triệu tập thêm người làm chứng là bà Nguyễn Phương L, chị gái của bị cáo để làm chứng việc bị bệnh nói trên. Sáng ngày 03/3/2021, bị cáo dọn nhà thì thấy trong kho chứa đồ có 01 túi xách bên trong có 01 khẩu súng và nhiều viên đạn, bị cáo mang súng và đạn đi giao nộp tại Công an phường Tam Thanh. Trên đường đi, bị cáo rẽ vào nhà bà Trần Thị B để xin đón 02 con đi ăn cưới nhưng bà Trần Thị B không đồng ý. Do bị cáo và bà Trần Thị B có hiểu nhầm trong một số việc nên bị cáo đã không làm chủ được bản thân, lấy súng ra chĩa về phía ông Đỗ Danh N với mục đích dọa ông Đỗ Danh N, không có mục đích giết hại ông Đỗ Danh N. Bị cáo không có ý kiến về việc bồi thường thiệt hại do bị hại không yêu cầu.

Bị hại ông Đỗ Danh N trình bày: Khi bị cáo cầm súng chĩa vào ông và nói Nghĩa hôm nay mày chết, thì ông hoảng loạn và sợ hãi, nghĩ là bị cáo Nguyễn Đức T sẽ bắn ông nên ông đã bỏ chạy. Nay, ông đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật và không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Người làm chứng ông Mạc Văn S, bà Trần Thị B, bà Trần Thị N đều trình bày những nội dung mà bản thân được chứng kiến đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 133; điểm s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội Đe dọa giết người, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 12 tháng đến 15 tháng tù, tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo không phải bồi thường thường thiệt hại do bị hại không yêu cầu.

Về xử lý vật chứng, đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng là 01 (một) gậy kim loại; trả lại cho bị cáo 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 12P1-11752; 01 (một) chùm chìa khóa gồm 08 chìa, 01 (một) ví giả da màu đen, 01 (một) Chứng minh nhân dân và 01 (một) Giấy phép lái xe và 01 đăng ký xe mang tên Nguyễn Đức T do không liên quan đến hành vi phạm tội và việc trả lại không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án. Đối với 01 khẩu súng màu đen, 09 viên đạn còn lại sau giám định, 01 túi xách, 02 vỏ đạn đã được chuyển đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn để điều tra theo thẩm quyền nên không xem xét. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo: Về tội danh của bị cáo Luật sư nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, cụ thể bị cáo thực hiện hành vi khi có hạn chế về khả năng điều khiển hành vi, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đầu thú đến cơ quan điều tra, bị cáo luôn thành khẩn khai báo về hành vi của mình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm q, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự xem xét quyết định mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị để bị cáo có cơ hội điều kiện chữa bệnh sớm trở về với gia đình và xã hội.

Bị cáo trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe máy cho bị cáo và xem xét mức hình phạt cho bị cáo, hiện nay bị cáo đang bị stress rất nặng, thường xuyên không ngủ được.

Bị hại ông Đỗ Danh N không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt cho bị cáo đúng quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên trình bày ý kiến tranh luận: Về hình phạt, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ là phạm tội khi có hạn chế về khả năng điều khiển hành vi và thành khẩn khai báo quy định tại điểm q, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, ngoài ra bị cáo đầu thú chứ không phải tự thú nên chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 của Bộ luật Hình sự. Xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, thấy hành vi của bị cáo có tính chất nguy hiểm cao do bị cáo sử dụng súng là vũ khí có tính sát thương cao để đe dọa bị hại, hành vi được thực hiện vào ban ngày, hành vi này đã gây ra sự hoang mang lo lắng cho bị hại ông Đỗ Danh N và bà Trần Thị B. Hơn nữa, bị cáo có nhân thân không tốt do đã từng bị kết án, lần phạm tội đó bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật được hưởng án treo nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục có hành vi phạm tội, như vậy đã thể hiện bị cáo có ý thức pháp luật kém, cần có mức hình phạt đủ dài để cải tạo bị cáo nhằm răn đe, phòng ngừa chung. Vì thế, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên đề nghị về mức hình phạt với bị cáo Nguyễn Đức T.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày ý kiến tranh luận: Bị cáo thực hiện hành vi chĩa súng vào ông Đỗ Danh N mục đích chỉ để đe dọa nhằm đón được con đi ăn cưới, bị cáo đang bị bệnh trầm cảm thường rối loạn lo âu nên không làm chủ được hành vi, hơn nữa khi thực hiện hành vi bị cáo Nguyễn Đức T cũng không quá quyết liệt. Vì vậy, Luật sư giữ nguyên ý kiến đã trình bày ở trên.

Bị cáo nhất trí với ý kiến của Luật sư và không có ý kiến tranh luận bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên ý kiến, không tranh luận bổ sung.

Lời nói sau cùng bị cáo trình bày hiện nay bị cáo đang bị stress rất nặng, sự việc xảy ra là ngoài mong muốn của bị cáo đề nghị bị hại bỏ qua cho bị cáo, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, bị cáo đề nghị triệu tập thêm người làm chứng bà Nguyễn Phương L tham gia phiên tòa để làm chứng vấn đề sức khỏe của bị cáo có bệnh trầm cảm. Xét thấy, đề nghị này không có cơ sở chấp nhận do bệnh của bị cáo đã được giám định và có kết luận của Viện pháp y tâm thần trung ương, hơn nữa bà Nguyễn Phương L là chị gái của bị cáo không biết nội dung gì liên quan đến hành vi bị cáo đã thực hiện vào ngày 03/3/2021.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay đều phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người tham gia tố tụng khác, bản kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Ngày 03/3/2021 tại đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, Nguyễn Đức T có hành vi dùng súng chĩa về phía ông Đỗ Danh N mục đích để đe dọa, ông Đỗ Danh N hoảng sợ cho rằng Nguyễn Đức T sẽ bắn ông nên ông Đỗ Danh N chạy quanh bàn rồi ra ngoài cửa nhà. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Đức T đã đủ căn cứ để xác định bị cáo phạm vào tội Đe dọa giết người theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền được sống, quyền được tôn trọng và bảo vệ sức khỏe, tính mạng, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện hành động đe dọa để gây ra sự lo sợ cho bị hại, hành vi này cần phải bị xử lý để răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, trước và tại thời điểm ngày 03/3/2021 bị cáo Nguyễn Đức T có bệnh bị hạn chế về khả năng điều khiển hành vi nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo

đã lên đầu thú tại cơ quan điều tra nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân, bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhưng đã từng bị kết án về tội Cố ý gây thương tích theo Bản án số 61/2017/HSST ngày 22/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn nay đã được xóa án tích, nên xác định bị cáo có nhân thân chưa tốt.

[8] Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cùng nhân thân của bị cáo, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, tuy nhiên với mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị để bị cáo nhận thấy được sự khoan hồng của pháp luật, từ đó yên tâm cải tạo và có cơ hội sớm khỏi bệnh.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về việc xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) gậy kim loại là vật không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy; Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 12P1-11752, 01 (một) chùm chìa khóa gồm 08 chìa, 01 (một) ví giả da màu đen, 01 (một) Chứng minh nhân dân và 01 (một) đăng ký xe và 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Đức T là những vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, việc trả lại cũng không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, cần trả lại cho bị cáo. Đối với 01 khẩu súng màu đen, 09 viên đạn còn lại sau giám định, 01 túi xách, 02 vỏ đạn đã được chuyển đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn để điều tra theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[11] Về hành vi Tàng trữ vũ khí quân dụng của Nguyễn Đức T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP Lạng Sơn đã chuyển tài liệu liên quan cùng súng và đạn đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn để điều tra theo thẩm quyền. Ngày 07/4/2021, Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Nguyễn Đức T về tội Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự. Hiện vụ án đang được Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn điều tra làm rõ theo quy định pháp luật, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 133; điểm s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38; 50; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội Đe dọa giết người.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/3/2021.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) gậy kim loại;

- Trả lại cho bị cáo: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 12P1-11752 số khung 5606EY006725, số máy JF56E0011447, vỡ cánh yếm bên phải, xe máy han gỉ nhiều chỗ, xe đã qua sử dụng; 01 (một) chùm chìa khóa gồm 08 chìa; 01 (một) ví giả da màu đen; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 081056167 mang tên Nguyễn Đức T; 01 (một) đăng ký xe số 003179 và 01 (một) Giấy phép lái xe số 200095201533 đều mang tên Nguyễn Đức T.

(*Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/9/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn*).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan THAHS, CATP.Lạng Sơn;
- Trại tạm giam CA tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo, bị hại, người bào chữa;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Phương Thảo